

Tin trong nước ngày 18/05

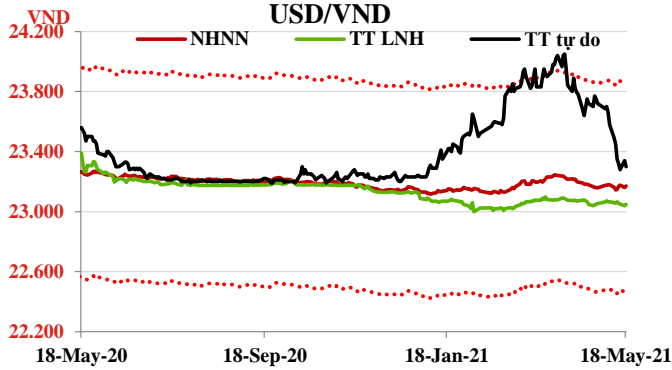
▪ **Thị trường ngoại tệ:** Phiên 18/05, tỷ giá trung tâm được NHNN niêm yết ở mức 23.170 VND/USD, tăng trở lại 10 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.815 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.048 VND/USD, tăng 08 đồng so với phiên 17/05. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 80 đồng ở chiều mua vào và 40 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.200 - 23.300 VND/USD.

▪ **Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 18/05, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,05 đpt ở kỳ hạn ON trong khi tăng 0,02 – 0,03 đpt ở các kỳ hạn còn lại từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,17%; 1W 1,29%; 2W 1,40% và 1M 1,46%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,02 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,19%; 2W 0,24%, 1M 0,34%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở kỳ hạn 3Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên tại: 3Y 0,72%; 5Y 1,15%; 7Y 1,43%; 10Y 2,35%; 15Y 2,60%.

▪ **Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.

▪ **Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, áp lực bán dâng cao khi nhiều cổ phiếu ngân hàng giảm sâu khiến các chỉ số đều lùi xuống dưới mốc tham chiếu. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 6,02 điểm (-0,48%) xuống 1.252,68 điểm; HNX-Index giảm 2,15 điểm (-0,72%) xuống 294,64 điểm; UPCoM-Index giảm 0,36 điểm (-0,45%) xuống 80,06 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục ở mức cao với tổng giá trị giao dịch đạt trên 24.200 tỷ đồng. Khối ngoại duy trì bán ròng gần 633 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

▪ **Trong báo cáo cập nhật dữ liệu kiều hối toàn cầu mới nhất vừa công bố, Ngân hàng Thế giới WB cho biết, cơ quan này đã điều chỉnh ước tính lượng kiều hối về Việt Nam năm 2020 từ mức 15,7 tỷ USD của báo cáo trước đó lên đến 17,2 tỷ USD. Như vậy, con số này tăng nhẹ gần 3% so với năm 2019 và thấp hơn mức tăng 6% tại các năm trước. Theo đó, Việt Nam thuộc top 10 nước nhận kiều hối nhiều nhất trong số các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình.**


Lãi suất LNH
Trái phiếu

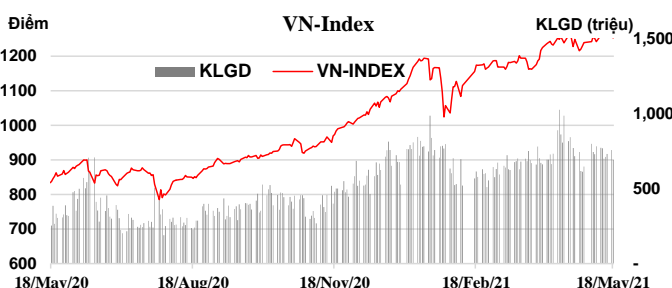
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.17	-0.05	0.15	0.01	3Y	0.72	0.011
1W	1.29	0.03	0.19	0.01	5Y	1.15	-0.009
2W	1.40	0.03	0.24	0.02	7Y	1.43	-0.012
1M	1.46	0.02	0.34	0.02	10Y	2.35	-0.008
2M	1.54	0.02	0.41	0.01	15Y	2.60	-0.006
3M	1.63	0.04	0.52	0.05			
6M	1.89	0.05	0.83	-0.05			
9M	2.53	-0.02	1.15	0.00			
1Y	3.04	0.05	1.22	0.02			

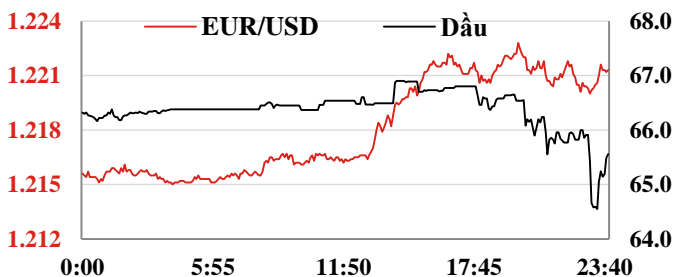
Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

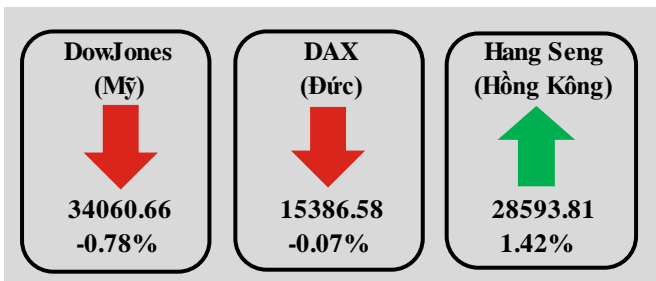
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
18-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
17-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
14-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1252.68	294.64	80.06
%/ngày	-0.48%	-0.72%	-0.45%
%/31/12/2020	13.48%	45.1%	7.5%
KLGD (tr.đ.vị)	692.48	118.99	57.7
GTGD (tỷ đ)	21011.90	2434.99	783.02
NDINN mua (tỷ đ)	927.06	11.59	0.74
NDINN bán (tỷ đ)	1477.14	94.11	1.14





	18 May 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	89.75	-0.46%	-0.43%	-0.21%
USD/CNY	6.43	-0.21%	-0.05%	-1.53%
USD/EUR	0.82	-0.56%	-0.61%	-0.06%
USD/JPY	108.88	-0.28%	0.25%	5.46%
USD/KRW	1126.93	-0.86%	0.66%	3.92%
USD/SGD	1.33	-0.43%	0.31%	0.64%
USD/TWD	27.95	-0.54%	0.06%	-0.45%
USD/THB	31.40	-0.25%	0.77%	4.53%
USD/VND Trung tâm	23170	0.04%	0.11%	0.17%
USD/VND LNH	23048	0.03%	-0.03%	-0.17%
USD/VND tự do	23200	-0.34%	-0.77%	-0.43%
Vàng	1868.22	0.11%	1.70%	-1.49%
Dầu	65.49	-1.18%	0.32%	34.98%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0629	0.0005		
SW	0.0708	0.0032		
1M	0.0993	0.0018	0.2650	0.0000
2M	0.1220	-0.0010		
3M	0.1553	0.0056	0.4361	-0.0005
6M	0.1838	-0.0028	0.5921	-0.0005
1Y	0.2628	-0.0018	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 17/05/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	10/06/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	10/06/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	24/06/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	16/06/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/06/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

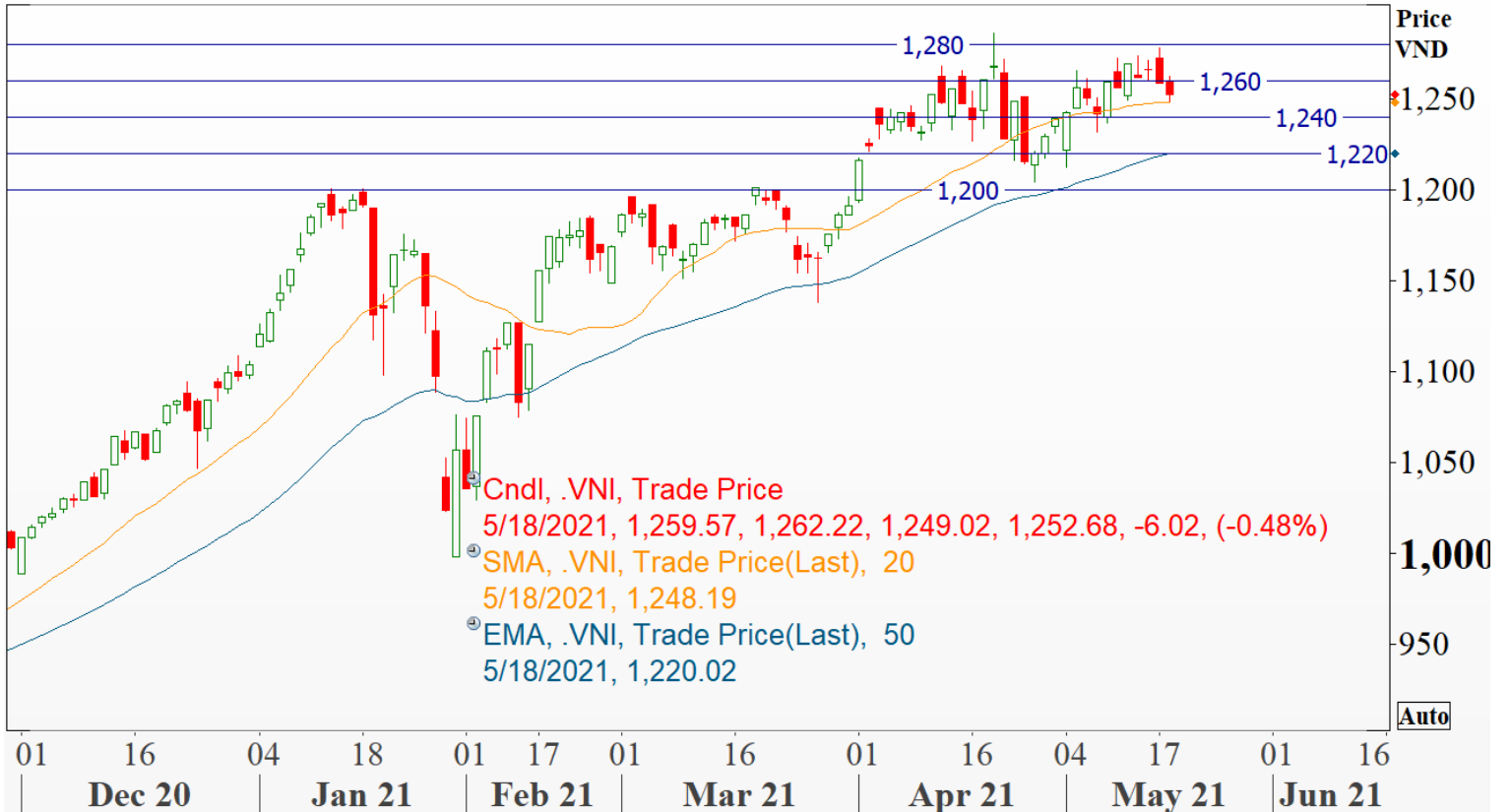
- Thượng viện Mỹ lên kế hoạch chạy đua công nghệ với Trung Quốc.** Ngày 17/05, Thượng viện Mỹ bỏ phiếu với tỷ lệ 86 thuận/11 chống, theo đó ủng hộ dự luật cho phép chi hơn 110 tỷ USD nghiên cứu công nghệ tiên tiến và cơ bản trong 5 năm, trước những áp lực cạnh tranh từ Trung Quốc. Các quan chức Thượng viện cho rằng dự luật này sẽ bổ sung lĩnh vực bán dẫn mà nước Mỹ còn đang yếu. Liên quan đến một số thông tin kinh tế Mỹ, số cấp phép xây dựng và số nhà khởi công tại nước này trong tháng 4 lần lượt ở mức 1,75 triệu đơn và 1,57 triệu căn, cùng thấp hơn so với mức 1,76 triệu đơn và 1,74 triệu căn của tháng 3, đồng thời thấp hơn mức 1,77 triệu đơn và 1,71 triệu căn theo dự báo.
- Thị trường lao động nước Anh đón một số thông tin trái chiều.** Đầu tiên, thu nhập bình quân của nước Anh trong 3 tháng 01-02-03/2021 tăng 4,0% 3m/y, thấp hơn mức tăng của 3 tháng 12/2020 và 01-02/2021, đồng thời thấp hơn mức tăng 4,5% theo dự báo. Tiếp theo, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại nước Anh giảm 15,1 nghìn đơn trong tháng 3 sau khi giảm 19,4 nghìn ở tháng trước đó, trái với dự báo tăng thêm 25,6 nghìn đơn. Cuối cùng, tỷ lệ thất nghiệp tại quốc gia này giảm xuống còn 4,8% trong tháng 3, thấp hơn dự báo đi ngang ở mức 4,9%.
- Nhật Bản đón nhận mức suy giảm kinh tế lớn nhất lịch sử.** Cụ thể, Văn phòng Nội các Nhật Bản cho biết GDP quý 1 nước này giảm 1,3% q/q sau khi tăng 2,8% ở quý trước đó, sâu hơn mức giảm 1,2% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2020, GDP nước Nhật giảm tới 5,1%, sâu nhất kể từ khi bắt đầu thống kê năm 1955. Nguyên nhân chính là do Nhật Bản ban bố tình trạng khẩn cấp lần thứ hai trong quý vừa qua. Các chuyên gia dự báo Nhật Bản có thể tiếp tục chịu suy thoái trong quý 2, do tình trạng khẩn cấp lần thứ ba đã được công bố vào giữa tháng 4.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
18-05	6:50	*	GDP sơ bộ Nhật Bản qq Q1	-1.3	-1.2	2.8
18-05	13:00	*	Thu nhập bình quân nước Anh 3m/y T3	4.0	4.5	4.5
18-05	13:00	*	Thay đổi số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tại Anh	-15.1K	25.6K	-19.4K
18-05	13:00	*	Tỷ lệ thất nghiệp tại Anh T3	4.8	4.9	4.9
18-05	16:00	*	GDP sơ bộ Eurozone qq Q1	-0.6	-0.6	-0.6
18-05	19:30	*	Số cấp phép xây dựng nhà tại Mỹ T4	1.75M	1.77M	1.76M
18-05	19:30	*	Số nhà khởi công tại Mỹ T4	1.57M	1.71M	1.74M
19-05	13:00	**	CPI Anh yy T4		1.5	0.7
19-05	13:00	*	CPI lõi Anh yy T4		1.3	1.1
19-05	16:00	*	CPI chính thức Eurozone yy T4		1.6	1.6
19-05	16:00	*	CPI lõi chính thức Eurozone yy T4		0.8	0.8

VN-INDEX

Daily .VNI

11/30/2020 - 6/16/2021 (HAN)



VN-Index tiếp tục giảm xuống mức 1.252,68 điểm. Chỉ số đang tiến sát xuống đường SMA20, nhiều khả năng VN-Index có thể kiểm tra vùng hỗ trợ gần 1.245-1.250 điểm trong các phiên tới.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.220 – 1.200

Ngưỡng kháng cự: 1.260 – 1.280

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn